

Số: 172/QĐ-TCXD

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP XÂY DỰNG HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 1329/QĐ-SLĐTBXH ngày 19/12/2024 của Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài vụ,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Trường Trung cấp Xây dựng Hà Nội. (theo biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Các ông (bà) Trưởng các phòng, Tổ bộ môn và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Sở Lao động TB&XH (báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu VT; TV

HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG  
TRUNG CẤP  
XÂY DỰNG  
HÀ NỘI  
Nguyễn Văn Hiến



*Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018  
của Bộ Tài chính*

Đơn vị: Trường trung cấp Xây Dựng Hà Nội  
Chương: 424

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

*(Kèm theo Quyết định số 472/QĐ-TCXD ngày 25/11/2024 của Trường trung cấp Xây Dựng Hà Nội)*

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

*Đvt: Nghìn đồng*

| Số TT      | Nội dung                                                                       | Dự toán được giao |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1          | 2                                                                              | 3                 |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>                             |                   |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                                      |                   |
| 1          | Lệ phí                                                                         |                   |
|            | Lệ phí...                                                                      |                   |
|            | Lệ phí...                                                                      |                   |
| 2          | Phí                                                                            |                   |
|            | Phí ...                                                                        |                   |
|            | Phí ...                                                                        |                   |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>                                        |                   |
| 1          | <b>Chi sự nghiệp....</b>                                                       |                   |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                 |                   |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                           |                   |
| 2          | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                                  |                   |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                                               |                   |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                                         |                   |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>                                   |                   |
| 1          | <b>Lệ phí</b>                                                                  |                   |
|            | Lệ phí...                                                                      |                   |
|            | Lệ phí...                                                                      |                   |
| 2          | Phí                                                                            |                   |
|            | Phí ...                                                                        |                   |
|            | Phí ...                                                                        |                   |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>                                          |                   |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                                              |                   |
| 1          | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                                  |                   |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                                               |                   |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ                                         |                   |
| 2          | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>                                     |                   |
| 2.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ                                 |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia                                     |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ                                           |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở                                        |                   |
| 2.2        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng                                  |                   |
| 2.3        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                           |                   |
| 3          | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>                             | <b>17.319.000</b> |
| 3.1        | <b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>                                          | <b>14.842.000</b> |
|            | Trong đó kinh phí ngân sách Thành phố bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương |                   |
| 3.2        | <b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>                                    | <b>2.477.000</b>  |

|            |                                                                         |                  |
|------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------|
|            | <i>Chi nghiệp vụ(Chỉnh sửa CT, GT)</i>                                  | <i>200.000</i>   |
|            | <i>Tổ chức Hội nghị gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường LĐ</i>  | <i>115.000</i>   |
|            | <i>Xây dựng học liệu số trong các trường trung cấp trực thuộc Sở</i>    | <i>330.000</i>   |
|            | <i>Chi mua sắm sửa chữa TSCĐ</i>                                        | <i>795.000</i>   |
|            | <i>Chi cải tạo, sửa chữa CXC công trình</i>                             | <i>1.037.000</i> |
|            | <i>KP hỗ trợ ĐT nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự,...</i> |                  |
| <b>III</b> | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                                          |                  |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                           |                  |
| 1.1        | Dự án A                                                                 |                  |
| 1.2        | Dự án B                                                                 |                  |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>                              |                  |
| 2.1        | Dự án A                                                                 |                  |
| 2.2        | Dự án B                                                                 |                  |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>                      |                  |
| 3.1        | Dự án A                                                                 |                  |
| 3.2        | Dự án B                                                                 |                  |